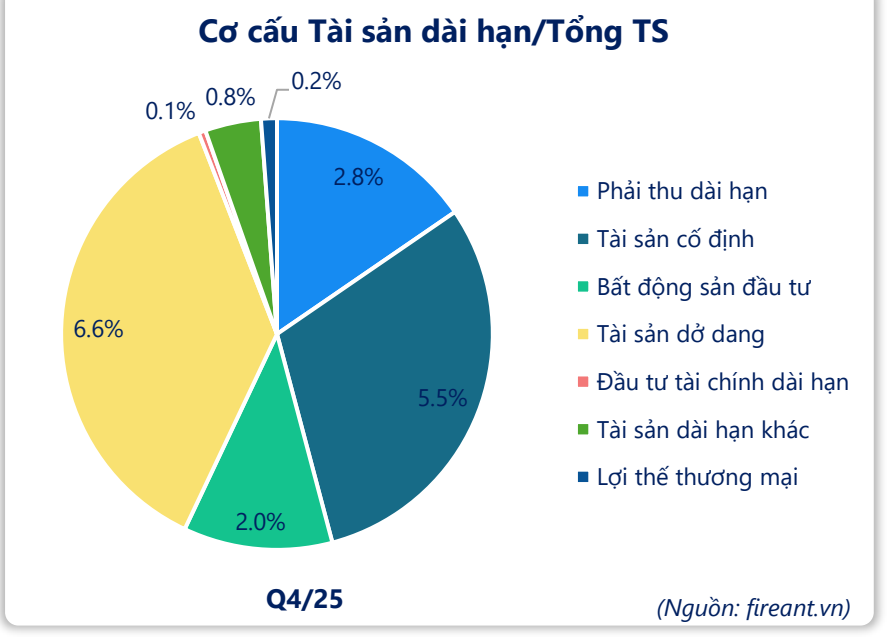
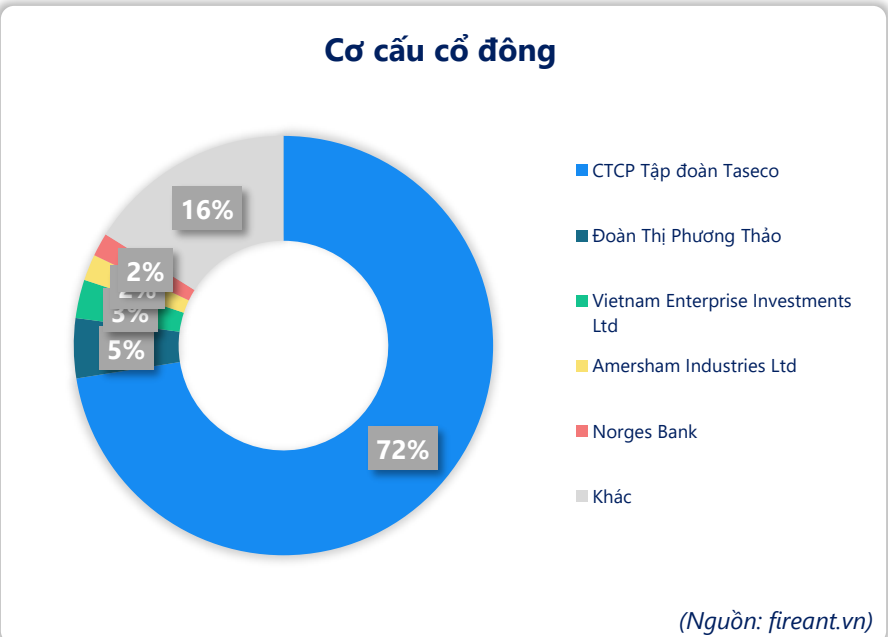
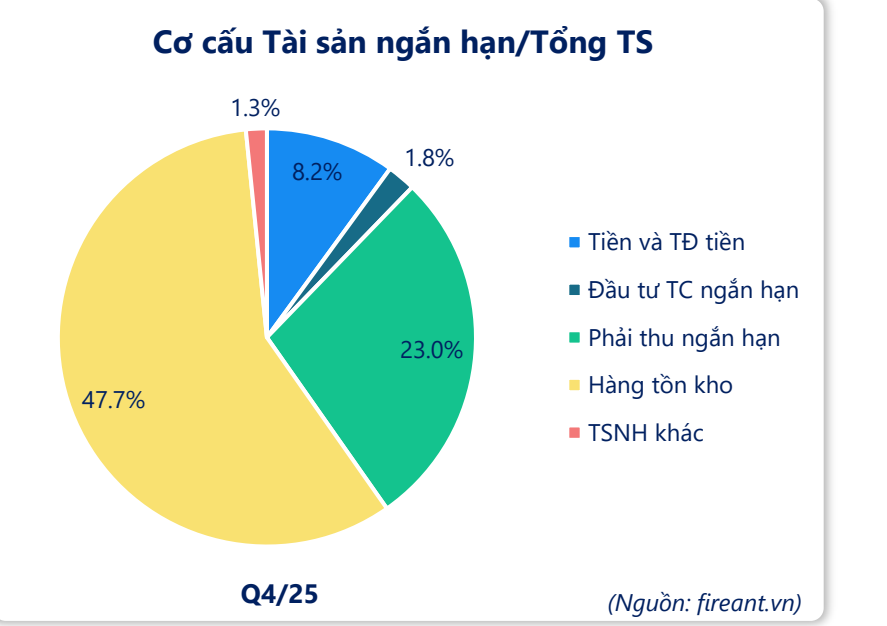
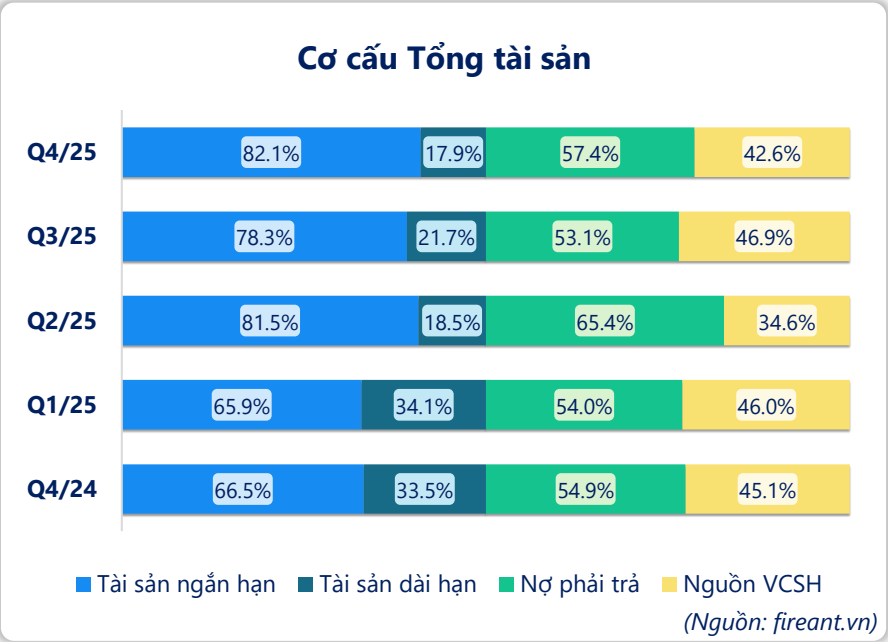
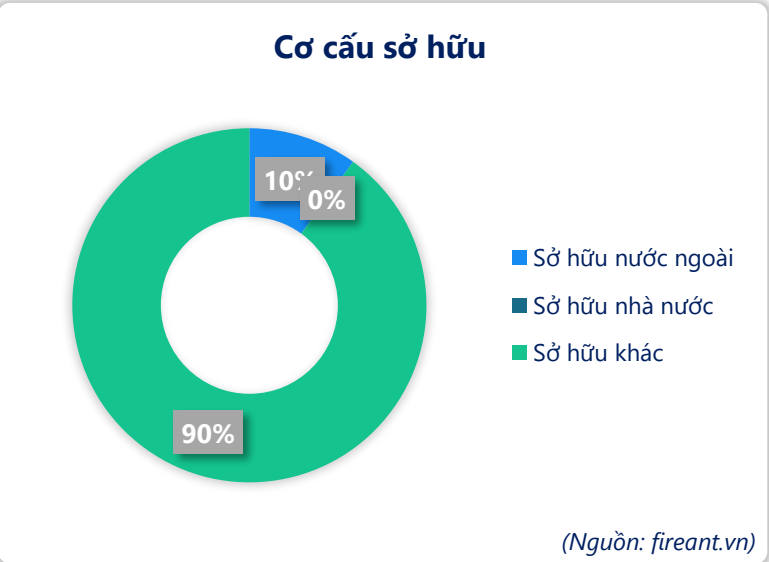
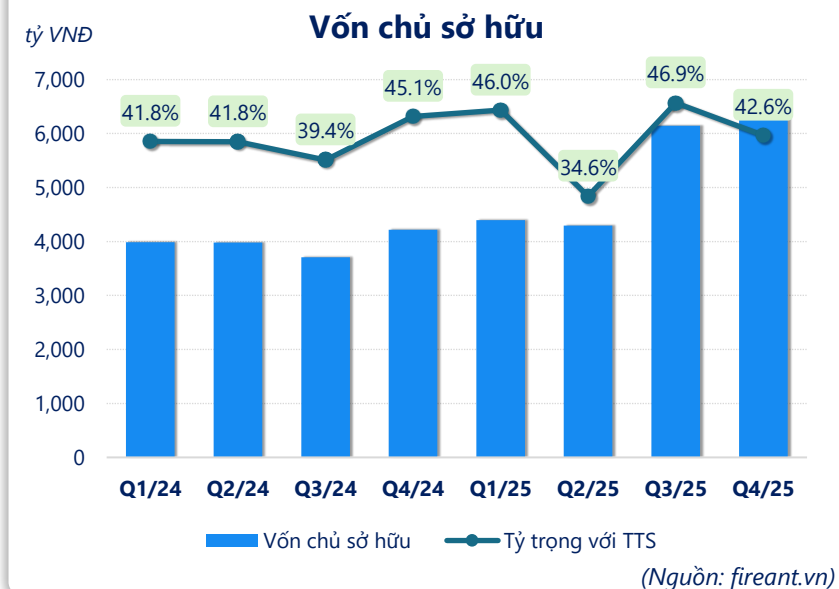
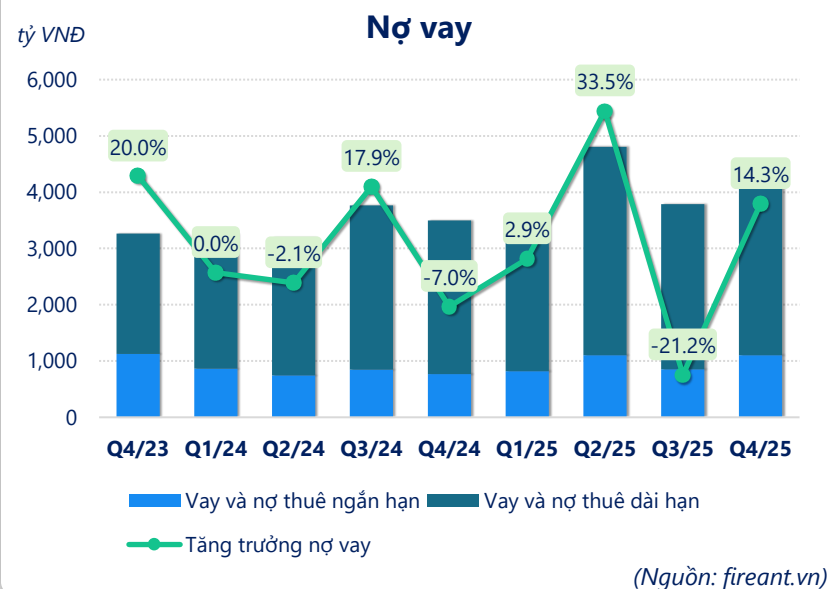
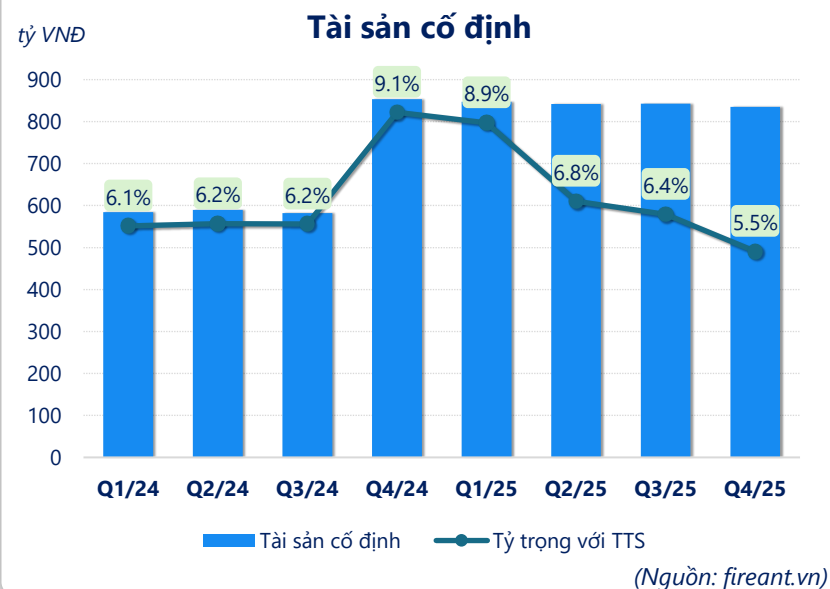
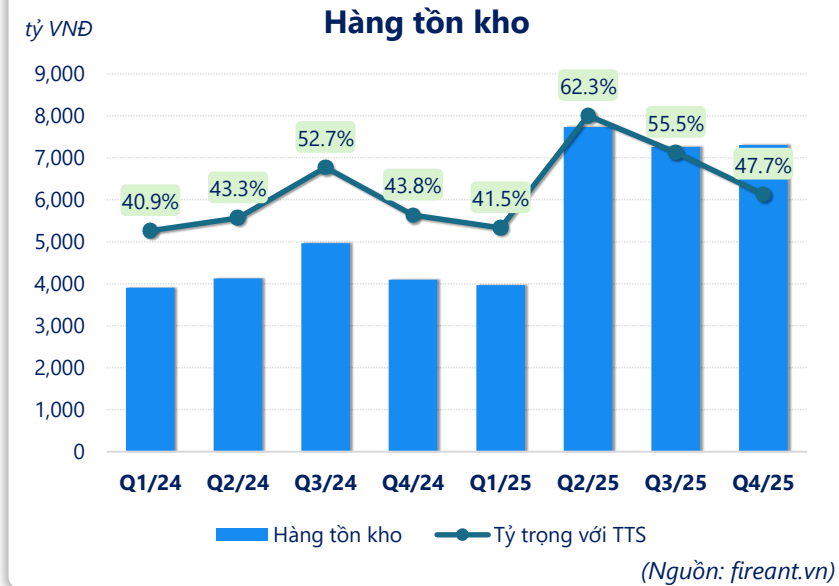
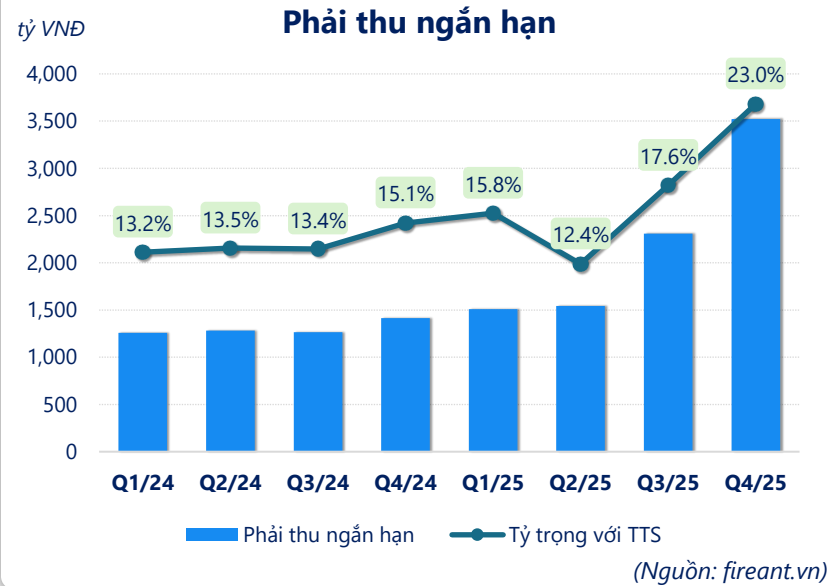
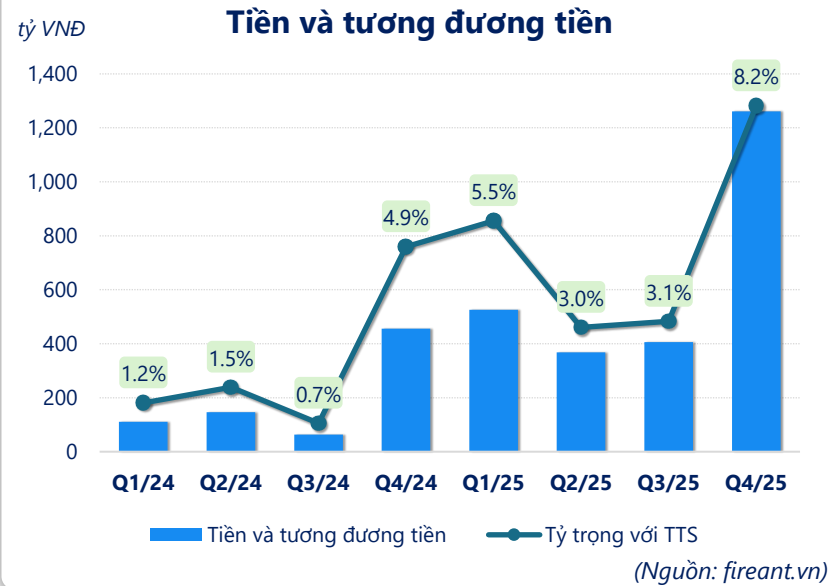
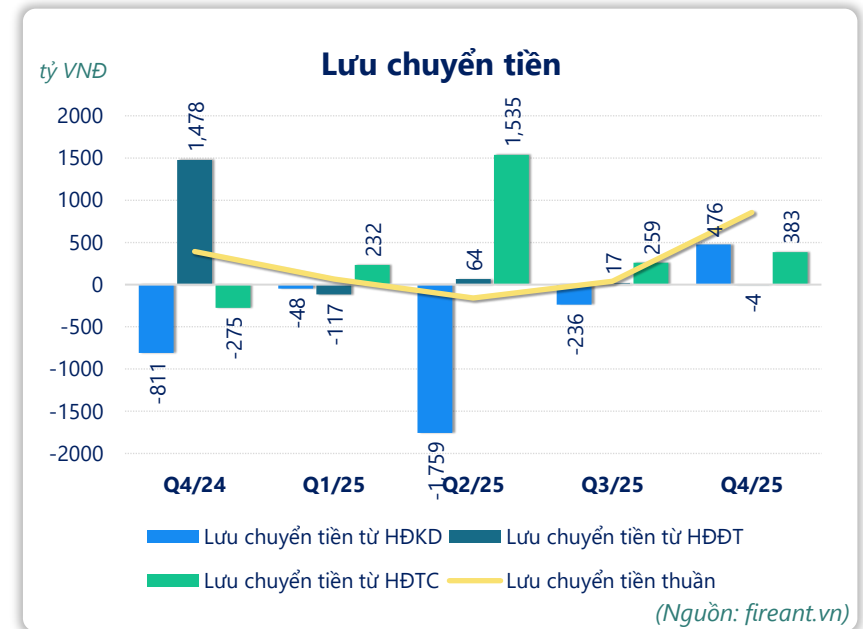
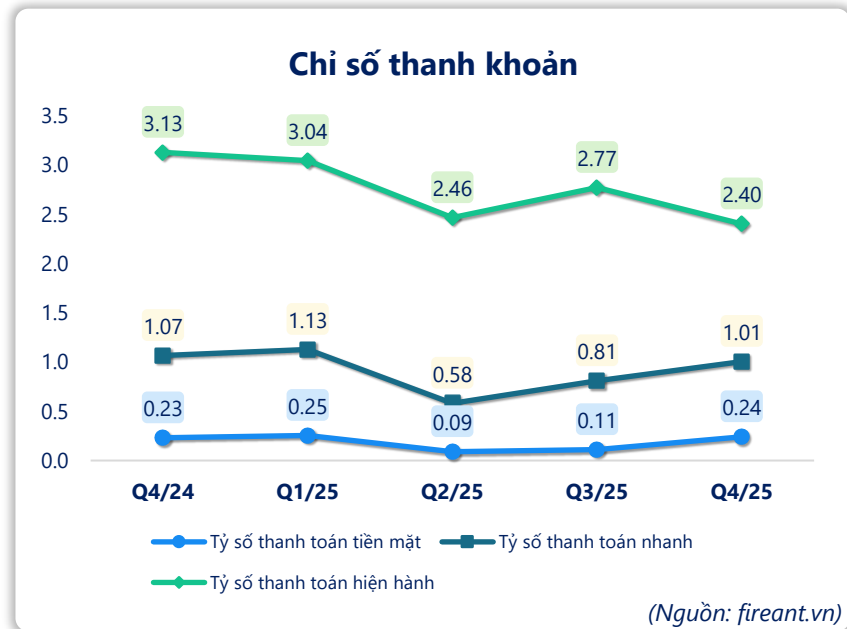
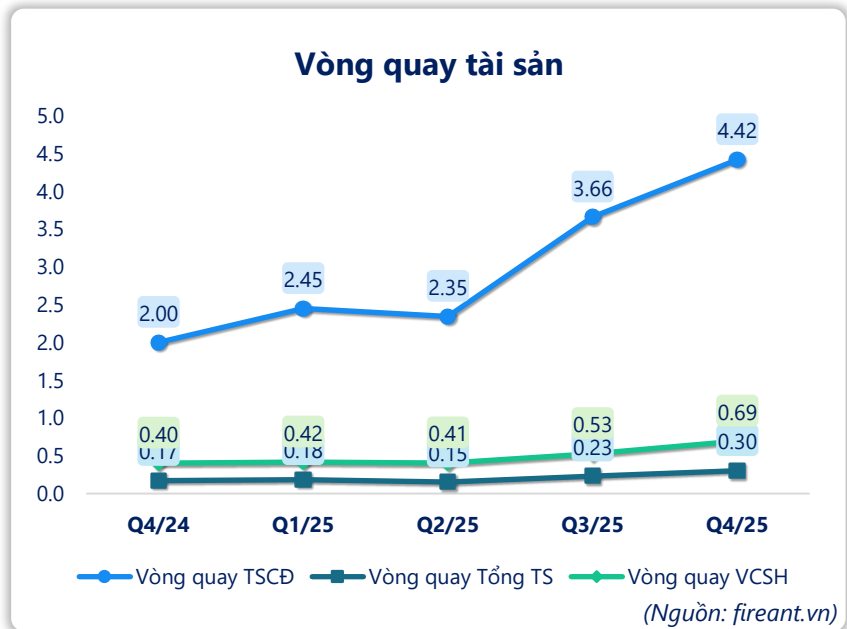
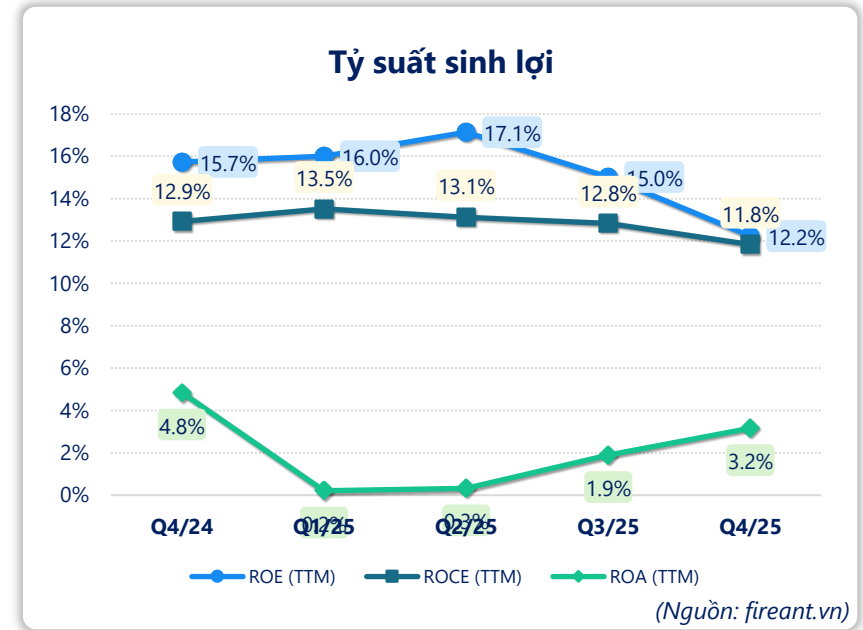
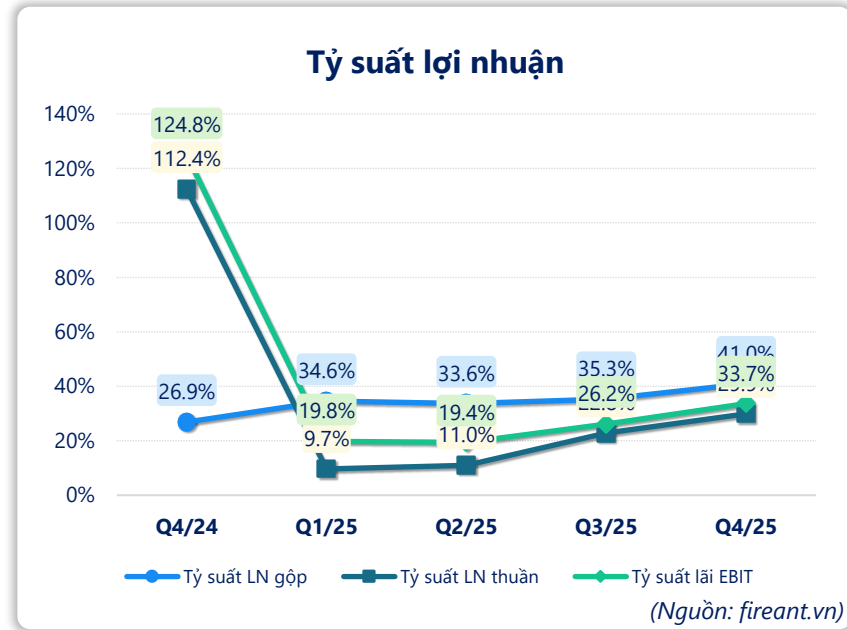
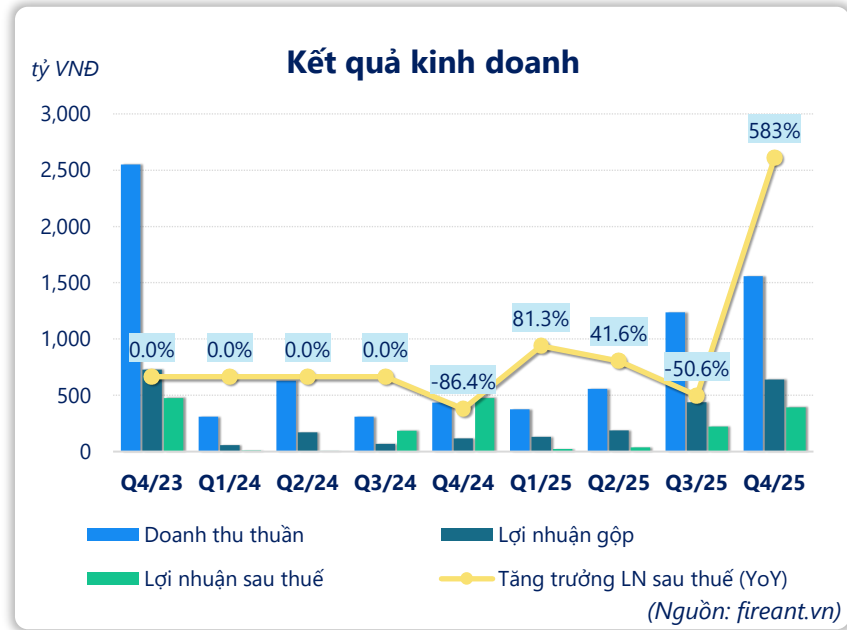


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		51,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		360,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		915,295
% sở hữu nước ngoài		10.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		18,576
P/E		28.3
EPS		1,825

	YTD	1T	3T	6T
TAL	168.7%	3.7%	7.1%	96.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,312	9,324	64.2%
Tài sản ngắn hạn	12,569	6,174	104%
Tiền và tương đương tiền	1,261	460	174%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	276	113	144%
Phải thu ngắn hạn	3,523	1,402	151%
Hàng tồn kho	7,305	4,079	79.1%
Tài sản ngắn hạn khác	203	120	68.9%
Tài sản dài hạn	2,743	3,150	-12.9%
Phải thu dài hạn	423	620	-31.7%
Tài sản cố định	835	854	-2.2%
Bất động sản đầu tư	306	319	-3.9%
Tài sản dở dang	1,017	1,192	-14.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.2	36.5	-61.0%
Tài sản dài hạn khác	115	89.4	28.8%
Lợi thế thương mại	32.6	39.7	-17.8%
Nợ phải trả	8,784	5,100	72.2%
Nợ ngắn hạn	5,233	2,084	151%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,104	805	37.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	445	426	4.3%
Nợ dài hạn	3,551	3,016	17.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,224	2,695	19.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,528	4,224	54.5%
Vốn chủ sở hữu	6,528	4,224	54.5%
Vốn điều lệ	3,600	2,970	21.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	435	376	557	1,238	1,559
Giá vốn hàng bán	318	246	370	802	921
Lợi nhuận gộp	117	130	187	437	639
Doanh thu HĐTC	543	5.97	11.2	16.9	10.7
Chi phí TC	69.8	42.7	51.1	43.0	41.0
Chi phí lãi vay	55.0	39.0	46.2	39.7	34.2
LN trong công ty LKLD	0.07	0.08	0.07	0.09	0.14
Chi phí bán hàng	22.7	11.5	34.3	54.8	58.9
Chi phí QLDN	78.5	45.5	52.1	73.7	84.0
LN thuần từ HĐKD	489	36.3	61.1	282	466
Lợi nhuận khác	-0.94	-0.93	0.69	2.33	25.4
LN trước thuế	488	35.3	61.8	285	491
Lợi nhuận sau thuế	476	22.3	38.3	223	391
LNST của CĐ cty mẹ	472	20.2	34.9	213	389

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-811	-48.2	-1,759	-236	476
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,478	-117	64.5	16.5	-4.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-275	232	1,535	259	383
Tiền đầu kỳ	63.8	460	526	368	406
Lưu chuyển tiền thuần	392	66.6	-159	38.7	855
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	456	526	368	406	1,261

(Nguồn: fireant.vn)